

Số: 49/2017/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 26/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với ngân hàng chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (Điều 4);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 642/TTr-HCSN ngày 11/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Giám đốc chi

nhánh NHCSXH tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Như Điều 2;
- Sở Tư pháp;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Vĩnh Phúc;
- Cổng thông tin giao tiếp ĐT tỉnh;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Duy Thành

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác theo Nghị quyết của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đối tượng áp dụng.

- Người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.
- UBND huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là UBND cấp huyện).
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.
- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác theo Nghị quyết của HĐND trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương cấp hàng năm thông qua Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp huyện (tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nguồn vốn UBND tỉnh hiện đang ủy thác cho NHCSXH tỉnh để cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ, cho vay hộ nghèo theo Quyết định số 3918/QĐ-UBND ngày 04/11/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn cho vay ủy thác theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 9 quy chế này và được thực hiện vào quý I năm liền kề.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: UBND tỉnh giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Cấp huyện (gồm UBND huyện, thành phố, thị xã gọi chung là cấp huyện): Giao Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

3. Nguyên tắc ủy thác, hợp đồng ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương: Thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-NHNN ngày 06/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 4. Quy trình cấp phát kinh phí ngân sách địa phương và hình thức cấp phát

1. Cấp tỉnh: Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh hàng năm; Quyết định giao dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước hàng năm của UBND tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh tổng hợp kinh phí từ các đơn vị có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh, gửi văn bản tới Sở Tài chính đề nghị cấp kinh phí cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác, Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp kinh phí ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Cấp huyện: Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp huyện phân bổ dự toán chi ngân sách cấp huyện hàng năm; Quyết định giao dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước hàng năm của UBND cấp huyện, Phòng Lao động Thương

binh và Xã hội cấp huyện tổng hợp kinh phí từ Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện và gửi văn bản tới Phòng Tài chính – Kế hoạch đề nghị cấp kinh phí cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác, Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định và trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định cấp kinh phí ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

3. Hình thức cấp phát: Bằng lệnh chi tiền.

4. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

1. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Các đối tượng khác theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, đối tượng khác theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, quản lý nguồn vốn thu hồi khi hết thời hạn cho vay

1. Mức cho vay:

a) Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ: mức cho vay thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng quản trị NHCSXH đối với từng đối tượng chính sách theo từng thời kỳ.

b) Đối tượng khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Mức cho vay đối với các đối tượng khác theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc UBND tỉnh quy định (trong trường hợp Nghị quyết của HĐND tỉnh giao UBND tỉnh quy định chi tiết).

2. Thời hạn cho vay:

Thời hạn vay vốn không quá 60 tháng (5 năm); đối với các đối tượng khác được vay vốn theo Nghị quyết của HĐND tỉnh thì thời hạn vay vốn thực hiện theo Nghị quyết của HĐND. Thời hạn vay vốn cụ thể do NHCSXH và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào quy định của Chính phủ và của tỉnh về thời hạn cho vay vốn đối với từng đối tượng, nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn. Nếu hết thời hạn cho vay (kể cả thời gian gia hạn nợ), đối tượng có nhu cầu vay tiếp phải hoàn trả đủ gốc, lãi và lập thủ tục vay cho chu kỳ mới.

3. Lãi suất cho vay:

a) Đối với hộ nghèo: lãi suất cho vay bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ của NHCSXH do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Đối với các đối tượng chính sách khác quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ: lãi suất cho vay bằng lãi suất vay vốn của NHCSXH do Thủ tướng Chính phủ quy định đối với từng đối tượng chính sách.

c) Các đối tượng khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định:

Lãi suất cho vay đối với các đối tượng khác theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc UBND tỉnh quy định.

d) Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

4. Quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay, điều kiện vay:

Quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay, điều kiện vay: chi nhánh NHCSXH tỉnh Vĩnh Phúc, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện các quy trình, thủ tục, đảm bảo tiền vay, điều kiện cho vay theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay theo từng thời kỳ, từng chương trình cho vay của các Bộ, ngành liên quan, của NHCSXH và được quy định cụ thể trong hợp đồng ủy thác của địa phương.

5. Quản lý, thu hồi vốn khi hết thời hạn cho vay:

a) NHCSXH nơi cho vay xây dựng kế hoạch thu nợ, tiến hành thu hồi nợ cả vốn gốc và lãi khi đến hạn; đối tượng vay có thể trả vốn trước hạn. Trong quá trình sử dụng vốn vay, NHCSXH nơi cho vay phải tổ chức kiểm tra nếu phát hiện đối tượng vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì lập biên bản, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi nợ trước thời hạn.

b) NHCSXH sử dụng vốn thu hồi để tiếp tục cho vay, hạn chế tối đa để vốn tồn đọng.

c) Khi các chính sách cho vay của Trung ương và địa phương kết thúc, NHCSXH có trách nhiệm thu hồi nguồn vốn cho vay báo cáo cơ quan tài chính, UBND cấp tỉnh, cấp huyện để quản lý theo quy định.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ;

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa

đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được.

- Tổng số phí trích từ tiền lãi được coi là 100% và phân chia theo tỷ lệ như sau: Sở Lao động TB và Xã hội: 20%, Chi nhánh NHCSXH tỉnh 10% Phòng Lao động TB và XH cấp huyện 70% (trên số lãi thực tế thu được của từng huyện, thành, thị). Phòng Lao động TB và XH cấp huyện chủ trì, thống nhất với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện, phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo UBND cấp huyện phân bổ số kinh phí để chi cho Ban Đại diện Phòng Giao dịch NHCSXH huyện, chi hoạt động của các phòng, ban tại huyện.

- Nội dung chi từ tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, chi hoạt động sơ kết, tổng kết, công tác tập huấn, văn phòng phẩm, làm thêm giờ và được thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

Việc phân phối lãi tại điều này được NHCSXH thực hiện hàng quý, xong trước ngày 15 tháng đầu quý tiếp theo, riêng quý IV phân phối lãi vào ngày 31/12.

2. Trường hợp lãi suất cho vay không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan thì UBND các cấp xem xét cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác theo khả năng nguồn kinh phí của UBND từng cấp.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác được xử lý như sau:

Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phối hợp với Sở Lao động - TB&XH, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định (đối với ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách và các đối tượng khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh, huyện báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trừ trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyên qua NHCSXH các cấp.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH các cấp quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, NHCSXH cấp tỉnh, huyện báo cáo tổng hợp, nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND, cơ quan Lao động Thương binh và Xã hội, cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản

hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, huyện.

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ và kinh phí cho vay vốn để cho vay hộ nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác cho năm liền kề trước ngày 30/9 hàng năm gửi cơ quan tài chính trình UBND cùng cấp.

b) Phối hợp với cơ quan Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư trình UBND cùng cấp bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện ủy thác cho NHCSXH đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay hộ nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn.

c) Chủ trì phối hợp với cơ quan Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

d) Chủ trì, tổ chức thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

e) Trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1, Điều 10 quy chế này.

f) Phối hợp với NHCSXH tham mưu giúp Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác an toàn và hiệu quả.

2. Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - TB&XH, NHCSXH và các cơ quan liên quan lập dự toán ngân sách hàng năm bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH, báo cáo UBND trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình UBND cấp tỉnh, huyện bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện ủy thác qua NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn.

c) Phối hợp với cơ quan Lao động Thương binh và Xã hội cùng cấp và các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH.

d) Thẩm định trình UBND các cấp cấp hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng vay vốn trong trường hợp lãi suất cho vay không đủ bù đắp các khoản chi phí về

trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

3. NHCSXH cấp tỉnh, huyện.

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh, huyện chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho các đối tượng vay gửi cơ quan Lao động, cơ quan Tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

c) Hàng quý thực hiện phân phối tiền lãi theo quy định tại Điều 9 quy chế này.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

đ) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện chuyển qua NHCSXH trước ngày 10/3 của năm sau.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác các cấp:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện nhận ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị:

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo quy chế này và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

6. UBND xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi...

7. Trách nhiệm của người vay:

a) Cung cấp, kê khai trung thực, chính xác đầy đủ, đúng quy trình, trình tự, hồ sơ có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai.

b) Thực hiện đầy đủ các nội dung cần thiết của đơn vị, tổ chức tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ chi phí và vay vốn khi yêu cầu, sử dụng vốn vay đúng mục đích. Hoàn trả gốc và lãi đúng quy định

Điều 14. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân, phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Duy Thành